

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2018



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán, cho thuê xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 49 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 01 tháng 04 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 04 năm 2018
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch TT HĐQT	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 04 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Cố vấn Chủ tịch HĐQT	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phó Chủ tịch TT HĐQT



Nguyễn Hưng Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 07 năm 2018

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ngân VND

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 31/03/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	43.374.520.162	39.365.209.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	797.371.475	484.107.087
1. Tiền	111	757.359.205	484.107.087
2. Các khoản tương đương tiền	112	40.012.270	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	370.249.601	366.193.982
1. Chứng khoán kinh doanh	121	176.645.721	176.645.721
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	193.603.880	189.548.261
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.112.828.498	9.949.292.586
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.039.053.481	4.482.255.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.190.840.965	3.155.202.392
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	103.064.848	103.064.848
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.801.491.305	2.229.612.026
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(24.516.778)	(24.550.730)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.894.678	3.708.924
IV. Hàng tồn kho	140	28.812.276.953	27.251.616.412
1. Hàng tồn kho	141	28.876.584.489	27.318.448.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(64.307.535)	(66.831.599)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.281.793.636	1.313.999.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	185.826.491	171.521.036
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.032.544.255	1.084.701.801
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	63.422.890	57.776.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	22.455.354.786	22.316.960.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	148.441.384	857.440.706
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	30.827.949	30.827.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	117.863.435	826.862.756
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(250.000)	(250.000)
II. Tài sản cố định	220	9.253.498.553	8.944.497.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.927.856.073	4.635.434.145
- Nguyên giá	222	8.683.910.483	8.217.291.508
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3.756.054.410)	(3.581.857.363)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.325.642.480	4.309.063.461
- Nguyên giá	228	4.517.576.106	4.486.098.057
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(191.933.627)	(177.034.596)
III. Bất động sản đầu tư	230	568.893.930	571.288.122
- Nguyên giá	231	584.135.880	584.135.880
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(15.241.950)	(12.847.757)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	7.730.851.229	6.984.608.599
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7.730.851.229	6.984.608.599
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	69.170.609	69.170.609
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.670.241	6.670.241
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.684.499.080	4.889.954.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	429.829.502	410.686.941
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.196.657	(5.186.418)
V. Lợi thế thương mại	269	4.253.472.922	4.484.453.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	65.829.874.948	61.682.169.601

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 31/03/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	37.861.732.312	34.029.006.985
I. Nợ ngắn hạn	310	36.456.589.818	31.738.383.862
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.848.950.732	10.699.698.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.996.638.891	3.659.726.450
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.430.857.884	744.997.174
4. Phải trả người lao động	314	71.821.655	74.068.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	855.870.340	688.785.921
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	11.659.814	7.062.038
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.144.614.046	1.033.460.026
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.032.219.109	14.768.397.850
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	52.382.024	54.137.101
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	11.575.323	8.050.322
II. Nợ dài hạn	330	1.405.142.494	2.290.623.124
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.524.308	1.524.308
7. Phải trả dài hạn khác	337	4.090.832	4.140.832
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.092.896.215	1.953.846.428
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	266.973.834	293.785.670
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	39.657.306	37.325.886
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	27.968.142.636	27.653.162.616
I. Vốn chủ sở hữu	410	27.968.142.636	27.653.162.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16.580.000.000	16.580.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	16.580.000.000	16.580.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	29.878.837	29.878.837
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	15.799.800	15.799.800
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	3.314.115	4.371.868
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.763.893.513	9.677.737.342
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	6.592.394.206	8.633.165.593
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3.171.499.307	1.044.571.750
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.575.256.372	1.345.374.768
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	65.829.874.948	61.682.169.601

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2018


Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải


B02-DN/HN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2018	Quý II.2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14.513.471.309	12.729.826.598
2. Các khoản giảm trừ	02	8.849.515	(4.654.031)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	14.504.621.794	12.734.480.630
4. Giá vốn hàng bán	11	11.490.253.731	10.454.022.361
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.014.368.063	2.280.458.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	342.481.875	135.789.016
7. Chi phí tài chính	22	225.055.477	238.161.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	136.380.061	160.241.024
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	58.331
9. Chi phí bán hàng	25	471.482.831	378.659.671
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	466.888.711	330.917.716
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.193.422.918	1.468.566.530
12. Thu nhập khác	31	45.484.192	57.498.986
13. Chi phí khác	32	13.325.217	126.531.887
14. Lợi nhuận khác	40	32.158.975	(69.032.901)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.225.581.893	1.399.533.629
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	243.738.926	102.785.624
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(33.194.911)	(28.634.855)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.015.037.878	1.325.382.860
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	1.977.045.405	1.312.459.555
20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62	37.992.473	12.923.305
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.192	792


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2018

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2018	Quý II.2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.225.581.893	1.399.533.629
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	467.071.910	293.911.465
- Các khoản dự phòng	03	(1.449.306)	(62.666.418)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(243.294.186)	(154.937.106)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35.378.420)	107.799.764
- Chi phí lãi vay	06	136.380.061	160.267.011
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.548.911.952	1.743.908.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.805.267.093)	276.496.402
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1.538.886.342)	1.476.406.052
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	5.253.221.726	1.339.935.583
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(34.280.433)	5.706.731
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(134.530.492)	(297.119.799)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(76.206.772)	(167.760.396)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.925.131	(1.335.393.780)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.707.893)	56.390.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.213.179.786	3.098.569.866
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.304.790.786)	(1.663.698.396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	205.364	14.661.126
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.624.924)	(100.829.515)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	355.200	416.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.790.000)	(23.193.381)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	266.592	12.588.479

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2018	Quý II.2017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.328.378.555)	(1.760.055.686)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.123.675.586	11.068.092.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.641.324.787)	(10.876.690.708)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.053.723.308)	(1.284.467.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.571.372.509)	(1.093.065.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	313.428.722	245.448.619
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	484.107.087	645.684.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(164.335)	(51.336)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	797.371.475	891.081.748



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 07 năm 2018